

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 21/4/2023

V/v “*Tranh chấp thừa kế  
về tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

*Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Ánh Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:*  
Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp thừa kế về tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1, **Bà Nguyễn Thị X**, sinh năm 1945

Trú tại: ấp Long Ch, xã Long V, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

1.2, **Bà Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1952.

Trú tại: số 554, ấp Long Y, xã Long Thành N, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

1.3, **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1953.

Trú tại: ấp Cây D, xã Hiệp Th, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

1.4, **Bà Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1957.

Trú tại: Số 86, ấp Long Y, xã Long Thành N, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà X, bà Y, bà H, bà V:* Ông Đặng Tân L, sinh năm 1975. Trú tại: ấp Bền M, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1959.

Trú tại: Số X8/30, ấp Long Y, xã Long Thành N, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1, Bà Nguyễn Thị B**, sinh năm 1966

Trú tại: ấp L, xã Chà L, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**3.2, Bà Nguyễn Thị A**, sinh năm 1969

Trú tại: Số 91/31, ấp Long Y, xã Long Thành N, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà B, bà A:** Ông Đặng Tấn L, sinh năm 1975. Trú tại: ấp Bến M, xã Thạnh Đ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

**3.3, Bà Nguyễn Huỳnh Thị Mai Th**, sinh năm 1984.

Trú tại: Số X8/30, ấp Long Y, xã Long Thành N, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**3.4, Bà Văn Thị Bích Ng**, sinh năm 1969.

Trú tại: Số X8/30, ấp Long Y, xã Long Thành N, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền ông L trình bày:** Nguyên cha của các bà X, bà V, bà Y, bà H, bà B, bà A là cụ ông tên Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1920, chết năm 1989 và cụ bà tên Huỳnh Thị R, sinh năm 1927, chết năm 2008.

Các cụ có 07 người con, gồm:

- 1, Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1945
- 2, Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1952.
- 3, Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953.
- 4, Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1957.
- 5, Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1959.
- 6, Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966
- 7, Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1969

Ngoài ra các cụ không còn người con ruột, con nuôi nào khác.

Các cụ chết không để lại di chúc, để lại tài sản là phần đất diện tích 368m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 3, thửa 783, tọa lạc tại số X8/30, Quốc lộ 22B, ấp Long Yên, xã Long Thành Nam, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Huỳnh Thị R, ngày 15/9/1994 (số CMND 29003702), số 03045QSDĐ/D3, ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Nay ông bà trong gia đình không tự thỏa thuận phân chia tài sản được, các bà yêu cầu tòa án giải quyết chia di sản thừa kế.

Hiện về giá đất thực tế do hội đồng định giá là 200.000.000 đồng, nhưng các ông bà tham khảo giá 200.000.000 đồng không bán được, nên thỏa thuận là 170.000.000 đồng/m ngang.

Các bà thống nhất chia cho ông Th toàn quyền quản lý sử dụng 6m ngang x dài hết đất. Phần diện tích còn lại chia cho các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H; giao bà V toàn quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất 5.53m ngang x dài hết đất. Bà V hoàn tiền lại cho các bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H, mỗi người là 140.672.000 đồng.

Ông Th được hưởng tài sản nhiều hơn nên phải hoàn tiền toàn bộ giá trị nhà và công trình gắn liền trên đất cho chị Th là 78.816.280 đồng.

**\*Bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày ngày 14/11/2022 và trong các phiên làm việc:** Về nhân thân, về tài sản thừa kế ông Th thống nhất lời trình bày của bà X, bà V, bà A, bà Y, bà H, bà B.

Ông đồng ý chia di sản thừa kế, đồng ý nhận 6m ngang x dài hết đất, nhưng không đồng ý hoàn tiền giá trị nhà lại cho chị Th, vì hiện kinh tế ông khó khăn không có khả năng hoàn tiền nhà cho chị Th. Trên đất chia cho ông có 01 căn nhà là tài sản riêng của ông, tiền ông xây dựng.

Hiện ông đang chung sống vợ chồng cùng bà Ng, không có đăng ký kết hôn năm 2012, ngoài ra không còn ai khác chung sống chung nhà cùng ông.

Chị Th là con ruột của ông Th, hiện có 01 nhà cấp 4 xây trên phần đất giao cho các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H. Chị Th hiện nay sống cùng 02 con tên Nguyễn Minh Nhật Đ, sinh năm 2004; Nguyễn Nhật T, sinh năm 2013. Chị Th ly hôn năm 2020, ngoài ra không còn ai khác sống chung.

Nay yêu cầu các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H hoàn tiền cho chị Th. Nếu các bà không hoàn tiền cho chị Th mà phải chia di sản thừa kế đều theo quy định ông cũng đồng ý.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, bà A và người đại diện theo ủy quyền ông L thống nhất trình bày:** bà B, bà A thống nhất lời trình bày của bà V, bà X, bà Y, bà H, đồng ý giao cho ông Th phần đất diện tích 6m ngang x dài hết đất với điều kiện ông Th hoàn toàn bộ giá trị nhà và công trình gắn liền với đất cho chị Th.

Về phần diện tích đất thống nhất giao cho bà V 5,53m ngang x dài hết đất.

Bà V hoàn tiền cho bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Th trình bày:** Chị là con ruột của ông Th hiện đang xây nhà cấp 4 ở tại phần đất tranh chấp. Chị thống nhất ý kiến của ông Th.

Chị Th hiện nay sống cùng 02 con tên Nguyễn Minh Nhật Đ, sinh năm 2004; Nguyễn Nhật T, sinh năm 2013. Chị Th ly hôn năm 2020, ngoài ra không còn ai khác sống chung nhà.

Chị Th yêu cầu bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H phải bồi thường giá nhà là 200.000.000 đồng, vì nếu giao đất chị không có nhà để ở, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Chị Th không nộp đơn khởi kiện do bận công việc, không có tiền nộp tiền tạm ứng án phí, chị có yêu cầu các cô tự bồi thường cho chị.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ng trình bày:** Bà chung sống vợ chồng với ông Th năm 2012, không có đăng ký kết hôn, căn nhà đang sống là tài sản riêng của ông Th, bà không có tài sản cũng không tranh chấp, thống nhất ý kiến của ông Th.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 609, 610, 612, 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự và Điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị A đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 368m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 3, thửa 783, tọa lạc ấp Long Yên, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành do UBND huyện Hòa Thành (Nay là Thị xã Hòa Thành) cấp cho bà Huỳnh Thị R, ngày 15/9/1994.

Chia di sản thừa kế như sau:

Chia cho ông Nguyễn Văn Th được quyền sử dụng phần đất diện tích ngang 6m x dài hết đất. Giá đất hiện nay là 170,6m<sup>2</sup> x 5.964.912 đồng = 1.017.614.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Huỳnh Thị Mai Th số tiền là 78.716.000 đồng.

Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng V quyền sử dụng phần đất diện tích ngang 5,53m x dài hết đất. Giá đất hiện nay là 141,5m<sup>2</sup> x 5.964.912 đồng = 844.035.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị A số tiền là 140.672.000 đồng.

Về án phí: tính án phí theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử**

**nhận định:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Th, bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Th, bà Ng theo quy định tại các Điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Nội dung vụ án:** Nguyên cha của các bà X, bà V, bà Y, bà H, bà B, bà A là cụ ông tên Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1920, chết năm 1989 và cụ bà tên Huỳnh Thị R, sinh năm 1927, chết năm 2008. Các cụ có 07 người con, gồm: 1, Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1945; 2, Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1952; 3, Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953; 4, Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1957; 5, Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1959; 6, Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; 7, Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1969. Ngoài ra các cụ không còn người con ruột, con nuôi nào khác.

Các cụ chết không để lại di chúc, để lại tài sản là phần đất diện tích 368m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 3, thửa 783, tọa lạc tại số X8/30, Quốc lộ 22B, ấp Long Yên, xã Long Thành Nam, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Huỳnh Thị R, ngày 15/9/1994 (số CMND 29003702), số 03045QSĐĐ/D3, ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Hiện về giá đất thực tế do hội đồng định giá là 200.000.000 đồng, nhưng các ông, bà tham khảo giá 200.000.000 đồng không bán được, nên thỏa thuận là 170.000.000 đồng/m ngang. Các ông bà thống nhất:

Về phần diện tích đất thống nhất chia cho ông Th 6m ngang x dài hết đất, diện tích hiện nay là 170,6m<sup>2</sup> x 5.964.912 đồng/m<sup>2</sup> = 1.017.614.000 đồng.

Về phần diện tích đất thống nhất chia cho bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H 5,53m ngang x dài hết đất. Bà V đứng tên toàn quyền quản lý sử dụng diện tích 141,5m<sup>2</sup>, có giá là 141,5m<sup>2</sup> x 5.964.912 đồng/m<sup>2</sup> = 844.035.000 đồng.

Bà Vân hoàn tiền cho bà An, bà Bình, bà Xuân, bà Yến, bà Hồng, mỗi người số tiền là 844.035.000 đồng : 6 = 140.672.000 đồng.

Bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà Hồng, thống nhất chia đất cho ông Th nhiều hơn với điều kiện ông Th phải hoàn tiền giá trị nhà cho chị Th. Ông Th, chị Th không đồng ý và yêu cầu các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H phải hoàn tiền cho chị Th. Nếu trường hợp phải chia di sản đều theo quy định ông Th cũng đồng ý.

Do giá trị đất thực tế nhiều biến động nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giá đất thực tế 170.000.000 đồng/m ngang, tương đương 5.964.912 đồng/m<sup>2</sup>.

Theo biên bản thẩm định đo đạc ngày 16/02/2023, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 312,1m<sup>2</sup> và các ông bà phân chia tài sản được thể hiện:

+ Phần đất giao ông Th có diện tích 170,6m<sup>2</sup> và toàn bộ công trình gắn liền phần đất, cụ thể:

Phía Bắc giáp đường bê tông dài 6m.

Phía Nam giáp thửa 163 dài 6m.

Phía Đông giáp phần đất còn lại của bà R dài 28,45m.

Phía Tây giáp thửa 137 dài 28,50m.

Giá đất thực tế là 1.017.614.000 đồng.

Trên đất có nhà cấp 4 của ông Th, diện tích  $76,4m^2$ , có giá 234.049.676 đồng và 01 chuồng gà của ông Th, diện tích  $50,9m^2$  có giá 10.597.360 đồng.

+ Phần đất giao cho V có  $141,5m^2$  và toàn bộ công trình gắn liền phần đất, cụ thể:

Phía Bắc giáp đường bê tông dài 5,53m.

Phía Nam giáp thửa 163 dài 4,45m.

Phía Đông giáp thửa 139 dài 28,36m.

Phía Tây giáp phần đất chia cho ông Th dài 28,45m.

- Giá đất thực tế là 844.035.000 đồng.

Trên phần đất có 01 căn nhà của chị X, diện tích  $39,2m^2$ , có giá là 70.420.460 đồng; 01 mái hiên trước nhà có diện tích  $33,3m^2$ , có giá 8.396.280 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy các cụ C, cụ R chết không để lại di chúc, phần di sản là quyền sử dụng đất diện tích còn thực tế  $312,1m^2$ , tờ bản đồ 3, thửa 783, tọa lạc tại số X8/30, Quốc lộ 22B, ấp Long Yên, xã Long Thành Nam, Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho bà Huỳnh Thị R, ngày 15/9/1994. Quyền sử dụng đất được cấp sau khi cụ C đã chết nên là tài sản của cụ R. Do cụ R không để lại di chúc nên phần di sản được chia đều theo quy định, mỗi người được hưởng là  $312,1m^2 : 7 = 44,58m^2$ , có giá là  $44,58m^2 \times 5.964.912 \text{ đồng}/m^2 = 265.915.789 \text{ đồng}$ .

Các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H thống nhất chia cho ông Th được hưởng 6m ngang có giá 1.017.614.000 đồng, nếu ông Th hoàn trả cho chị Th số tiền 78.816.000 đồng thì còn lại 938.798.000 đồng, vẫn nhiều hơn tổng số tiền các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H được hưởng là 94.763.000 đồng. Vậy sự thỏa thuận của các nguyên đơn có lợi cho ông Th nên cần ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H đối với ông Th về việc chia di sản thừa kế. Buộc ông Th, chị Th phải giao 01 căn nhà của bà V diện tích  $39,2m^2$  xây trên diện tích  $141,5m^2$  và toàn bộ công trình gắn liền phần đất cho bà V toàn quyền quản lý sử dụng. Bà V hoàn trả cho các bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H mỗi người là 140.672.000 đồng. Ông Th toàn quyền quản lý sử dụng diện tích  $170,6m^2$ . Ông Th hoàn trả cho chị Th tiền giá trị nhà và toàn bộ công trình xây dựng gắn liền với đất giá trị là 78.816.000 đồng.

[3] Về chi phí thẩm định giá: Các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H, ông Th phải chịu 20.000.000 đồng, ghi nhận bà V đã nộp xong. Các bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H, ông Th phải hoàn lại cho bà V số tiền là 2.857.000 đồng.

**[4] Về án phí:**

Các bà V, bà X, bà Y, bà H, ông Th đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Bà A, bà B phải chịu án phí theo quy định.

[5] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào **Điều 609, 610, 612, 613, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự;** Điều 2 Luật Người cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị A đối với ông Nguyễn Văn Th về việc chia di sản thừa kế.

Ông Nguyễn Văn Th được toàn quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích 170,6m<sup>2</sup> và toàn bộ công trình gắn liền phần đất, cụ thể:

Phía Bắc giáp đường bê tông dài 6m.

Phía Nam giáp thửa 163 dài 6m.

Phía Đông giáp phần đất còn lại của bà R dài 28,45m.

Phía Tây giáp thửa 137 dài 28,50m.

Giá đất thực tế là 1.017.614.000 đồng.

Trên đất có nhà cấp 4 của ông Th, diện tích 76,4m<sup>2</sup>, có giá 234.049.676 đồng và 01 chuồng gà của ông Th, diện tích 50,9m<sup>2</sup> có giá 10.597.360 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Huỳnh Thị Mai Th phải giao 01 căn nhà của chị Th, diện tích 39,2m<sup>2</sup> xây trên diện tích 141,5m<sup>2</sup> và toàn bộ công trình gắn liền phần đất cho bà Nguyễn Thị Hồng V toàn quyền quản lý sử dụng, cụ thể:

Phía Bắc giáp đường bê tông dài 5,53m.

Phía Nam giáp thửa 163 dài 4,45m.

Phía Đông giáp thửa 139 dài 28,36m.

Phía Tây giáp phần đất chia cho ông Th dài 28,45m.

- Giá đất thực tế là 844.035.000 đồng.

Trên phần đất có 01 căn nhà của chị Th, diện tích 39,2m<sup>2</sup>, có giá là 70.420.460 đồng; 01 mái hiên trước nhà có diện tích 33,3m<sup>2</sup>, có giá 8.396.280 đồng.

*(có sơ đồ đất kèm theo).*

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V hoàn trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 140.672.000 (Một trăm, bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Yến số tiền 140.672.000 (Một trăm, bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 140.672.000 (Một trăm, bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 140.672.000 (Một trăm, bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng V hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 140.672.000 (Một trăm, bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi hai ngàn) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn Th hoàn trả cho chị Nguyễn Huỳnh Thị Mai Th số tiền là 78.816.000 (Bảy mươi tám triệu, tám trăm mười sáu ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

**2. Về chi phí thẩm định giá:** Các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn Th phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng V số tiền là 2.857.000 đồng.

### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Hồng V đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 7.033.000 (Bảy triệu, không trăm, ba mươi ba ngàn) đồng.

Bà Nguyễn Thị A phải chịu 7.033.000 (Bảy triệu, không trăm, ba mươi ba ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các bà V, bà A, bà B, bà X, bà Y, bà H, ông Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Ng, chị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**Dương Thị Ánh Nhung**